

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HS-ST  
Ngày: 08-5-2023.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Đạo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HS ngày 26/4/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/10/1996, tại: Trà Vinh. Nơi ĐKKHKT: Khóm 2, thị trấn LT, huyện DH, tỉnh Trà Vinh; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ nhân thân, lai lịch) và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/3/2020 đến ngày 03/4/2020 hủy bỏ biện pháp tạm giữ; ngày 09/12/2022 bị bắt tạm giữ, tạm giam cho đến nay; có mặt.

**Bị hại:** Bà Chu Thị Hoài T1, sinh năm 1988. HKTT: Ấp CS, xã LH, huyện BB, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Dương Thị P, sinh năm 1984; HKTT: Ấp C, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh; nơi ở: Phường X, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2/ Ông Phùng Toàn T2, sinh năm 1983. HKTT: phường QT, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở: Dịch vụ cầm đồ ĐT, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Chu Thị Hoài T1 quen biết qua mạng xã hội Facebook và có mối quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng 07 giờ ngày 30/3/2020, bà T1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, màu nâu-xanh-đen, biển số 61K1-185.xx đi đến khu nhà trọ, địa chỉ tại ấp CS, xã LH, huyện BB, tỉnh Bình Dương để đón T cùng đi đến thành phố

M giải quyết công việc cá nhân. Sau đó, T điều khiển xe mô tô trên chõ bà T1 đến quán nước CB, địa chỉ tại khu phố X3, phường Đ, thành phố M, tỉnh Bình Dương để uống nước. Trong lúc ngồi uống nước, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 61K1-185.xx nên hỏi bà T1 cho T mượn xe mô tô trên để đi rước bạn. Do tin tưởng T nên bà T1 cho T mượn xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 61K1-185.xx của bà T1 và bên trong cốp xe có để các giấy tờ cá nhân của bà T1, gồm: 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) Giấy phép lái xe và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Chu Thị Hoài T1. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 61K1-185.xx đi đến tiệm cầm đồ ĐT, địa chỉ tại phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh cầm cho anh Phùng Toàn T2, sinh năm 1985 là quản lý tiệm cầm đồ được số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng rồi tiêu xài hết số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, còn lại số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng T cất giữ và đi về nhà trọ tại ấp CS, xã LH, huyện BB, tỉnh Bình Dương. Về phía bà T1, đến khoảng 19 giờ cùng ngày 30/3/2020, bà T1 tìm gặp được T ở khu nhà trọ tại ấp CS, xã LH, huyện BB, tỉnh Bình Dương thì T nói với bà T1 đã đem xe mô tô trên của bà T1 đi cầm cố. Sau đó, Nguyễn Văn T đã đến Công an xã LH, huyện BB đầu thú về hành vi chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Vision, màu nâu-xanh-đen, biển số 61K1-185.xx của bà T1 nên Công an xã LH đã lập biên bản tạm giữ số vật chứng, gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen-trắng, biển số 63B7-548.xx; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, màu đen và số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BB đã chuyển hồ sơ vụ việc cùng đối tượng Nguyễn Văn T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để thụ lý điều tra theo thẩm quyền. Quá trình xác minh và điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã tiến hành thu giữ vật chứng, gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu nâu-xanh-đen, biển số 61K1-185.xx; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Chu Thị Hoài T1; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 tên Chu Thị Hoài T1.

Ngày 03/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra Nguyễn Văn T đã bỏ trốn nên ngày 02/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn T. Ngày 09/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện DH, tỉnh Trà Vinh bắt Nguyễn Văn T theo Quyết định truy nã và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một xử lý theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 102/KLTS-TTHS ngày 28/5/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu nâu-xanh-đen, biển số 61K1-185.xx, trị giá 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng. Đối với xe mô tô trên và 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Chu Thị Hoài T1; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 tên Chu Thị Hoài T1, ngày 01/6/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả cho bà T1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 86 ngày 01/6/2020. Hiện tại, bà T1 không có yêu cầu gì khác đối với Nguyễn Văn T.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen-trắng, biển số 63B7-548.xx, quá trình điều tra xác định: Xe mô tô trên do Lê Chánh V đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Sau đó, V bán xe mô tô trên cho Dương Thị P nhưng không

làm thủ tục sang tên theo quy định. Bà P cho T mượn xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại và bị Công an xã LH tạm giữ (bà P và T là bạn). Do đó, ngày 16/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả xe mô tô trên cho Dương Thị P theo Quyết định xử lý vật chứng số 87 ngày 16/4/2020.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, màu đen, quá trình điều tra xác định: Điện thoại di động nêu trên là tài sản cá nhân của Nguyễn Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 01/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả điện thoại di động nêu trên cho Nguyễn Văn T theo Quyết định xử lý vật chứng số 86 ngày 01/6/2020.

Đối với số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng, quá trình điều tra xác định: Số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng là tiền T thu lợi từ việc cầm xe mô tô của bà T1 nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với Phùng Toàn T2, quá trình điều tra xác định: Khi T đem xe mô tô hiệu Honda Vision, màu nâu-xanh-đen, biển số 61K1-185.xx đến cầm thì ông T2 không biết xe mô tô trên do T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đối với số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng mà ông T2 đã bỏ ra để cầm xe mô tô của T thì ông T2 không yêu cầu T phải bồi thường.

Cáo trạng số 55/CT-VKSTDM ngày 04/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức hình phạt từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: không đề nghị giải quyết.

Về biện pháp tư pháp: đề nghị hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000 đồng thu lợi bất chính.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để được sớm về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại nên Nguyễn Văn T có hành vi dùng thủ đoạn gian dối là giả vờ hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda Vision (có trị giá 29.000.000 đồng) của Chu Thị Hoài T1 để đi rước bạn nhưng sau đó lại mang đi cầm cố được số tiền 9.000.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, hoàn trả cho bị hại. Ngoài ra, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật có hạn chế, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã chủ động đến cơ quan công an đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đối với số tiền 4.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2/ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/12/2022 được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/3/2020 đến ngày 03/4/2020.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4/ Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) thu lợi bất chính.

*(Thể hiện tại Phiếu thu ngày 05/4/2023)*

5/ Về án phí: Buộc bị cáo chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Đạo**